

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Năm báo cáo: 2010

I. Lịch sử hoạt động và phát triển của Công ty

1. Sơ lược quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC là Công ty TNHH Đầu tư Trường phú Fortune được thành lập năm 2008. Công ty TNHH Đầu tư Trường phú Fortune được thành lập theo giấy đăng ký kinh doanh số 0102033961 cấp 17/03/2008 với số vốn ban đầu là 18.000.000.000 đồng.

Công ty TNHH Đầu tư Trường phú Fortune được chuyển đổi thành công ty cổ phần từ ngày 09/12/2009 mang tên Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp CRV và đổi tên thành Công ty Cổ phần FLC vào ngày 20/01/2010.

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 57/NQ/ĐHĐCĐ-2010 ngày 22 tháng 11 năm 2010, Công ty cổ phần FLC được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC. Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC là sự kết hợp hiệu quả của các đối tác mạnh, đầy tiềm năng trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, kinh doanh bất động sản và tài chính, ngân hàng. Các đối tác mạnh của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Ninh Bắc, Công ty TNHH Hải Châu tỉnh Vĩnh Phúc.

Với hoạt động ban đầu là sàn giao dịch bất động sản, tư vấn đầu tư, và tư vấn tài chính doanh nghiệp, FLC đang bắt đầu triển khai hoạt động đầu tư vào bất động sản. Đầu năm 2010, sàn giao dịch bất động sản FLC ra đời, khẳng định quyết tâm của Công ty trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản

Định hướng chiến lược phát triển của FLC là trở thành một công ty mạnh và năng động, lấy hoạt động sàn bất động sản, tư vấn đầu tư và tư vấn tài chính doanh nghiệp, đầu tư và kinh doanh bất động sản làm trọng điểm. Hiện tại Công ty đang sở hữu một số dự án bất động sản lớn có tiềm năng phát triển và nằm ở vị trí đắc địa tại Hà Nội và một số thành phố lân cận.

2. Thông tin về Công ty:

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC (Tên viết tắt: FLC Group)

Trụ sở chính: Biệt thự A38 - Phố Hoàng Ngân - Trung Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội

Điện thoại: 84 - 4 - 3556 2666 / 84 - 4 - 3771 1111

Fax: 84 - 4 - 3724 5888

Email: info@flc.vn

Website: www.flc.vn

Vốn điều lệ: 170.000.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi tỷ đồng*)

3. Quá trình thay đổi vốn điều lệ:

TT	Vốn điều lệ (Đồng)	Giá trị phát hành (Đồng)	Ghi chú
1	18.000.000.000		Thành lập Công ty
2	25.000.000.000	7.000.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ
3	100.000.000.000	75.000.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ và phát hành cho cổ đông hiện hữu
4	170.000.000.000	70.000.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ và phát hành cho cổ đông hiện hữu

4. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh:

- Dịch vụ quản lý bất động sản;
- Dịch vụ quảng cáo bất động sản;
- Dịch vụ tư vấn bất động sản;
- Dịch vụ đấu giá bất động sản (*chỉ hoạt động theo chứng chỉ hành nghề của người đại diện theo pháp luật*)
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng: Giao thông, công nghiệp, thủy lợi, điện, hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Phá dỡ các công trình xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Cho thuê ô tô;
- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;
- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng;
- Lập dự án, quản lý dự án các công trình: giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, điện (*chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực về quản lý dự án xây dựng theo quy định pháp luật*);
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;

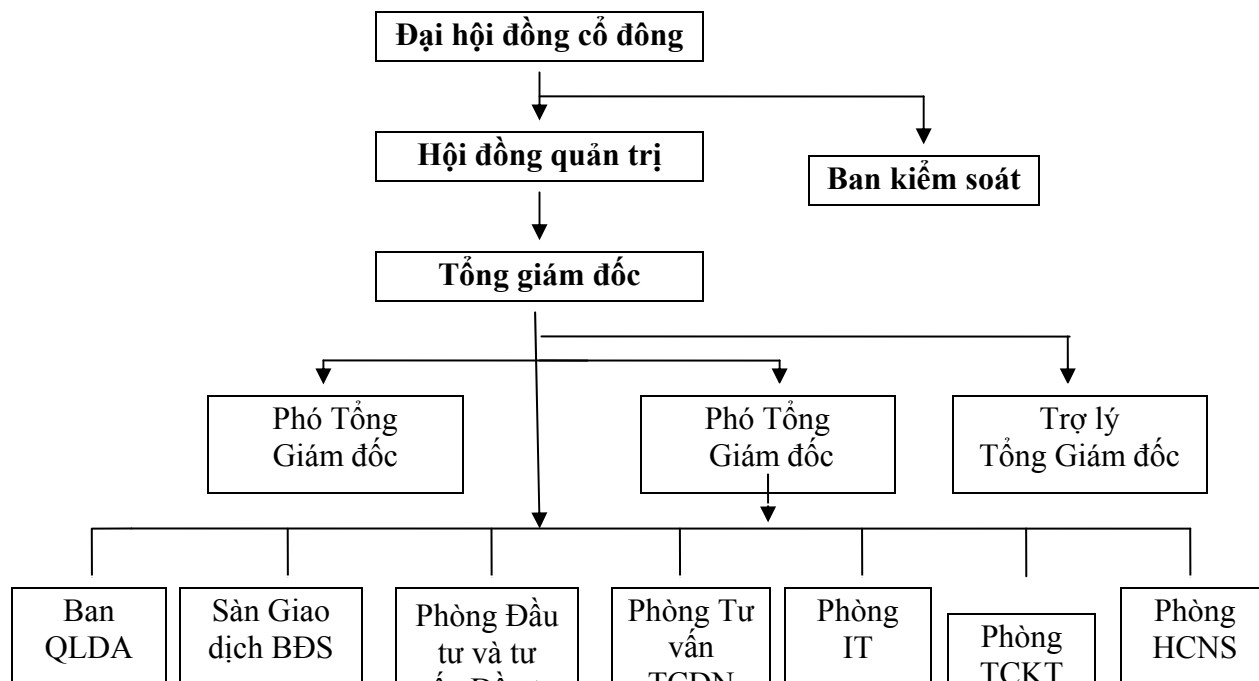
- Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;
- Lập trình máy vi tính;
- Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Dịch vụ quảng cáo;
- Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn, bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn xe có động cơ: Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, ô tô vận tải;
- Bán buôn sắt, thép;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (trừ thiết bị thu phát sóng);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);
- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Tư vấn đầu tư, tư vấn quản trị doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Dịch vụ khách sạn (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke);
- Dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke);
- Dịch vụ nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke);
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Sản xuất than cốc;
- Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa.

Mục tiêu hoạt động của Công ty là trở thành một công ty đầu tư bất động sản và tài chính hàng đầu của Việt Nam

5. Một số dự án đang trong quá trình triển khai và khai thác

- Khu liên hiệp thể thao và giải trí FLC Golfnet.
- Khu liên hiệp khách sạn, văn phòng và trung tâm thương mại Mandola - Vĩnh Phúc.
- FLC Landmark Tower.
- Khu đô thị mới Green City.

6. Sơ đồ tổ chức



II. Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2010.

1.1. Doanh thu và lợi nhuận.

Trong tình hình có nhiều khó khăn chung trong hoạt động năm 2010, nhưng với sự nỗ lực và cố gắng của ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV, Công ty đã đạt mức doanh thu gần 33 tỷ VNĐ, đạt mức tăng trưởng hơn 3288% so với năm 2009. Điểm nổi bật trong kết quả kinh doanh năm 2010 là lợi nhuận tăng trưởng 1012% so với năm 2009. Tổng doanh thu và lợi nhuận cao hơn rất nhiều so với năm 2009.

Các kết quả tài chính chủ yếu năm 2010.

Biết khai thác những thuận lợi, cố gắng phấn đấu khắc phục khó khăn, năm 2010 quy mô hoạt động của Công ty được mở rộng, uy tín của Công ty đối với các đối tác được nâng cao và đạt được những kết quả khả quan:

Khoản mục	ĐVT	2009	2010	2010/2009
Doanh thu thuần	Tr.đồng	1.116.818.182	36.727.795.418	3288%
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	777.949.175	7.869.183.923	1012%

1.2. Thực hiện nghĩa vụ ngân sách nhà nước

Trong năm 2010, Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC đã nộp vào Ngân sách Nhà nước gần 2,7 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 đảm bảo chi trả cổ tức và trích lập các quỹ, đặc biệt là quỹ dự trữ bổ sung vốn lưu động cho sản xuất kinh doanh.

1.3. Kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2010.

Để chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông năm 2011, Hội đồng quản trị và ban kiểm soát đã họp và thống nhất trình đại hội phương án Công ty dự kiến chưa chi trả cổ tức, lợi nhuận sau thuế sẽ được sử dụng tái đầu tư và sản xuất kinh doanh cho năm 2011.

1.4. Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2010 của HĐQT

Trong năm 2010, HĐQT và Ban kiểm soát công ty đã tiến hành tổ chức các cuộc họp thường kỳ để đánh giá tình hình kinh tế chung và đưa ra những quyết định kịp thời phù hợp với từng thời điểm, HĐQT đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình theo điều 25 điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC, những công việc chủ yếu thực hiện:

- Triển khai việc tổ chức thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên đến ban điều hành và các bộ phận Công ty.
- Chỉ đạo, giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ: nhìn chung trong năm 2010 đa số các cán bộ quản lý điều hành công ty thực hiện nhiệm vụ một cách năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm nên đã tạo được doanh thu và lợi nhuận đáng kể.
- Trực tiếp khảo sát thực tế và đưa ra những nhận định, quyết định các vấn đề liên quan đến việc thành lập và tham gia các hoạt động đầu tư của Công ty.
- Cùng với kiểm toán viên của đơn vị kiểm toán độc lập xem xét tính hợp lý, hợp lệ và các vấn đề khác của báo cáo tài chính năm 2010, các báo cáo công bố đã được kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

1.5. Những thay đổi chủ yếu trong năm 2010:

Trong năm 2010, Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC đã triển khai thực thi các công việc đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2009:

Mặc dù có nhiều nhà đầu tư và tổ chức quan tâm nhưng do nền kinh tế thế giới suy thoái, tình hình kinh tế trong nước vẫn chưa ổn định, thị trường chứng khoán vẫn biến động, tính thanh khoản của thị trường vẫn chưa cao nên Công ty quyết định dời thời cơ thuận lợi sẽ niêm yết Cổ phiếu. Vì vậy, Kế hoạch Công ty niêm yết lên sàn HNX vào Quý IV/2010 là chưa thực hiện. Dự kiến Công ty sẽ niêm yết vào Quý II/2011 và kết quả là Công ty đã nộp hồ sơ niêm yết lên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) vào tháng 4 năm 2011.

Không chỉ ở Việt Nam mà ở rất nhiều nước khác, thị trường bất động sản luôn phản ánh sự lớn mạnh của nền kinh tế. Năm 2010 là một năm nhiều biến động của nền kinh tế thế giới nói

chung và của Việt Nam nói riêng, bị ảnh hưởng cuộc khủng hoảng tài chính hiện đang có nhiều tác động đến nền kinh tế của các quốc gia. Việt nam cũng không tránh khỏi tác động này. Thị trường tài chính khủng hoảng, thị trường chứng khoán tụt dốc kéo theo sự tụt dốc của thị trường bất động sản. Hội đồng quản trị vẫn có những quyết định để triển khai các dự án cụ thể như sau:

- Dự án Khu liên hiệp thể thao và giải trí FLC Golfnet trên diện tích 5.000m² đã được hoàn thành và đi vào hoạt động từ tháng 10/2010 để phục vụ cho nhu cầu về giải trí và tập thể thao của dân cư sống trong khu vực Cầu giấy, Mỹ Đình và các vùng lân cận. Dự án bao gồm sân tập golf, 03 phòng chơi golf 3D, công nghệ hiện đại, có giảng viên Hàn Quốc hướng dẫn cho học viên, 2 sân tennis, 1 khu vui chơi trong nhà và 1 nhà hàng F&B, locker, bãi đỗ xe.....Dự kiến doanh thu sẽ ổn định khoảng 10 tỷ/năm từ năm 2011.
- Dự án khu liên hiệp khách sạn, văn phòng và trung tâm thương mại Mandola tại Vĩnh Phúc trên diện tích hơn 3.800m² đã hoàn thành các thủ tục pháp lý liên quan đến quyền sử dụng đất, đã có giấy phép đầu tư, thiết kế đã được thông qua và đang hoàn tất việc xin giấy phép xây dựng. Dự kiến sẽ khoan cọc vào Quý III/2011.
- Dự án khu đô thị mới Green City trên diện tích 134 ha tại Vĩnh Phúc đang triển khai xin giấy phép. Dự án này được thiết kế với nhiều hạng mục như nhà ở liền kề, biệt thự, công viên, hồ nước, các tổ hợp thương mại, siêu thị, khu thể thao, khu nghỉ dưỡng trường học, bệnh viện...Dự kiến cuối năm 2011, FLC sẽ hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng. Khi đi vào vận hành đồng bộ, Green City sẽ tạo thành một quần thể kiến trúc đô thị, văn hoá, sinh thái và cảnh quan độc đáo, vừa gần gũi với thiên nhiên, vừa tiện nghi, hiện đại, mang đến một không gian sống lý tưởng cho những cư dân tương lai.
- Thay đổi phần đại diện vốn góp: Ông Nguyễn Thanh Bình - Tổng giám đốc làm đại diện phần vốn góp vào Công ty TNHH Hải Châu và Công ty Cổ phần FLC Golfnet của Công ty thay Bà Nguyễn Hải Như (Bà Nguyễn Hải Như xin nghỉ việc vì lý do cá nhân).
- Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC hiện đang nắm giữ 91,67% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần đào tạo Golf VPGA. Đại diện phần vốn góp là Ông Doãn Văn Phương.

2. Định hướng trọng tâm năm 2011, triển vọng và kế hoạch phát triển trong tương lai:

Với định hướng đa dạng hóa hoạt động kinh doanh, hướng tới một Tập đoàn kinh doanh bất động sản, khoáng sản và tài chính hàng đầu, FLC đang từng bước xây dựng hình ảnh và khẳng định tên tuổi trên thị trường. Công ty đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm

2011 lần lượt là 119 tỷ và 17,9 tỷ đồng và tăng dần trong năm 2012, 2013. Kế hoạch này dựa trên cơ sở các mảng hoạt động kinh doanh của Công ty đều đã đi vào ổn định và thương hiệu được ghi nhận trên thị trường bao gồm: môi giới bất động sản, tư vấn tài chính và quản lý đầu tư, kinh doanh vật liệu xây dựng và các mảng kinh doanh tiềm năng trong tương lai như khai thác mỏ, kinh doanh trong lĩnh vực công nghệ cao....:

- Môi giới bất động sản: Công ty tiếp tục thực hiện việc phân phối căn hộ của tòa nhà FLC landmark và thực hiện môi giới cho các dự án khác.
- Tư vấn tài chính và quản lý dự án:
 - Thực hiện quản lý dự án cho Ninh Bắc với giá trị hợp đồng khoảng 15 tỷ đồng triển khai trong 3 năm từ năm 2010 đến 2012;
 - Quản lý dự án xây dựng sân golf, nhà hàng văn phòng cho Công ty cổ phần Đầu tư và tài chính địa ốc FLC với giá trị khoảng 2 tỷ đồng/năm
 - Quản lý dự án xây dựng tổ hợp khách sạn, văn phòng và trung tâm thương mại tại Vĩnh Phúc của Công ty TNHH Hải Châu với giá trị hợp đồng là 13 tỷ đồng.
 - Và các dự án khác
- Kinh doanh bất động sản: Công ty dự kiến mua lại một số căn hộ của FLC Landmark và các khu chung cư khác tại phía Tây Hà Nội; tham gia góp vốn đầu tư vào các dự án bất động sản tiềm năng để tăng hiệu quả đầu tư trong mảng này.
- Hoạt động thương mại, kinh doanh vật liệu xây dựng: FLC tiếp tục thực hiện việc cung cấp vật liệu xây dựng cho tòa nhà FLC Landmark và dự kiến cung cấp nguyên vật liệu cho Công ty đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh Phát; dự án Mandola Vĩnh Phúc thuộc Công ty TNHH Hải Châu.
- Đầu tư tài chính và lợi nhuận từ các công ty con

Năm 2010, FLC có 3 công ty con là Công ty TNHH Hải Châu đang đầu tư (đang thực hiện dự án Mandola tại Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc), Công ty cổ phần FLC Golfnet, Công ty cổ phần Đào tạo Golf VPGA, trong đó:

- Công ty cổ phần FLC Golfnet đang hoạt động kinh doanh sân tập golf, sân tennis và nhà hàng Hàn Quốc. Dự án FLC Golfnet đã chính thức đi vào hoạt động từ tháng 11/2010, dự kiến sẽ đem nguồn doanh thu và lợi nhuận đáng kể cho Công ty kể từ năm 2011 trở đi. Doanh thu dự kiến từ sân golf là 10 tỷ đồng/năm và lợi nhuận là 4,5 tỷ đồng/năm. Lợi nhuận từ sân tennis là 1,3 tỷ đồng/năm.

- Công ty cổ phần Đại lý thuế FLC: Dự kiến thực hiện các hợp đồng tư vấn thường xuyên lĩnh vực thuế với hơn 40 khách hàng đem lại doanh thu ổn định 5 tỷ đồng/năm.

Ngoài ra, trong thời gian tới FLC dự định sẽ đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thiết bị công nghệ cao trong ngành viễn thông và khai thác khoáng sản.

3. Kế hoạch chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Chi tiêu	2011		2012		2013	
	Giá trị	% tăng/giảm so với 2010	Giá trị	% tăng/giảm so với 2011	Giá trị	% tăng/giảm so với 2012
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	250	47%	300	20%	400	33%
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	199	442%	258	30%	387	50%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	17,9	129%	23	28%	73	217%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	9,0 %	-16,5%	9%	0%	19%	10%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	10%	6,40%	8%	1,6%	18%	10%
Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ (%)	5%		6%	1%	12%	6%

Tiềm năng phát triển của ngành bất động sản: Theo đánh giá của các chuyên gia, nhu cầu về nhà ở của người dân còn rất lớn, xét về dài hạn, thị trường bất động sản sẽ còn phát triển mạnh.

4. Kết luận:

Năm 2010 đã trôi qua với nhiều kết quả thực hiện được cũng như còn một số vấn đề còn tồn tại chưa giải quyết được. Theo kế hoạch trong năm 2011, Công ty sẽ tập trung đẩy mạnh công tác phát triển dự án mới, kết hợp khai thác hiệu quả hơn nguồn lực hiện tại, đồng thời rà soát, lập kế hoạch triển khai các dự án đang thực hiện của các công ty con. Công ty tăng cường chỉ đạo, điều hành, đảm bảo tiến độ, chất lượng từng dự án, đặc biệt là các dự án lớn mang tính quyết định đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Thay mặt Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC, tôi xin gửi lời biết ơn sâu sắc đến Quý Cổ đông, các nhà đầu tư, Quý Cơ quan, ban ngành đoàn thể đã ủng hộ, tin nhiệm để FLC có được sự phát triển liên tục, bền vững trong suốt thời gian qua. Tôi xin gửi lời cảm ơn trân trọng nhất đến sự đóng góp năng động và lao động sáng tạo của toàn thể cán bộ công nhân viên, các anh chị đã gắn bó đồng hành cùng với sự thành công và phát triển của thương hiệu FLC, cảm

on lãnh đạo các cấp, các ngành, địa phương trong cả nước đã giúp đỡ để FLC gặt hái được những thành quả trong năm 2010.

Một năm mới đang bắt đầu với những áp lực đè nặng, một năm được dự báo rất nhiều thách thức đối với doanh nghiệp Việt Nam nói chung và doanh nghiệp niêm yết nói riêng, nhưng với định hướng chiến lược cùng nội lực mạnh mẽ, đặc biệt là sự tín nhiệm, ủng hộ của Quý Cổ đông, nhà đầu tư, Quý khách hàng, chúng tôi hy vọng rằng sẽ hoàn toàn thắng lợi, đạt được các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011, nâng thương hiệu FLC lên tầm cao mới, đảm bảo và gia tăng lợi ích lâu dài của Quý cổ đông.

Kính chúc toàn thể Quý vị hạnh phúc, thịnh vượng và thành đạt.

III. Báo cáo của Ban Giám đốc

(Tổng giám đốc Nguyễn Thanh Bình)

Trong năm 2010, căn cứ chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2010 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 09/06/2010 thông qua, Ban Tổng giám đốc đã tiến hành triển khai thực hiện mục tiêu phương hướng hoạt động đã định. Mặc dù tình hình kinh tế trong năm còn nhiều khó khăn do hậu quả cuộc khủng hoảng, nhưng cùng với sự nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và toàn thể CBCNV, trong năm qua, hoạt động kinh doanh của FLC đã được những thành tựu đáng kể, cụ thể:

1. Báo cáo tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2010.

- Cơ cấu tài sản:

Tài sản dài hạn/ Tổng số tài sản: 42%

Tài sản ngắn hạn/ Tổng số tài sản: 58%

- Cơ cấu nguồn vốn:

Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn: 19%

Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn: 81%

- Khả năng sinh lời:

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản: 2,8%

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần: 21,42%

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ nguồn vốn chủ sở hữu: 3,6%

- Khả năng thanh toán:

Khả năng thanh toán nhanh: 3 lần

Khả năng thanh toán ngắn hạn: 3 lần

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010:

- Tổng tài sản: 273,8 tỷ đồng

+ Tài sản ngắn hạn: 160,7 tỷ đồng

+ Tài sản dài hạn: 113,1 tỷ đồng

- + Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn: 19%
- + Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn: 81%

2. Những chỉ số cơ bản:

2.1. Tài sản và vốn chủ sở hữu:

So sánh giá trị tài sản Công ty năm 2010 và năm 2009 sẽ thấy mức tăng là 15 lần, và tổng nguồn vốn của năm 2010 cũng tăng 11 lần. Điều này chứng tỏ quy mô hoạt động của Công ty ngày càng mở rộng, đáp ứng đúng được tiến độ của các hợp đồng và các công trình đang thi công.

Chỉ tiêu	2009	2010
Tổng tài sản	18.950.872.578	273.843.801.737
Vốn chủ sở hữu	18.777.949.175	220.569.338.180

2.2. Doanh thu và lợi nhuận:

Doanh thu và lợi nhuận năm 2010 so với năm 2009 có bước nhảy vọt, đánh dấu một sự cố gắng của Ban lãnh đạo cùng tập thể cán bộ công nhân viên công ty đã nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong hoạt động kinh doanh.

Chỉ tiêu	2009	2010
Doanh thu	1.116.818.182	36.727.795.418
Lợi nhuận sau thuế	777.949.175	7.869.183.923

2.3. Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu tài chính:

2.3.1. Hệ số nợ so với tài sản:

Bắt đầu từ năm 2010, Công ty bắt đầu thực hiện việc mở rộng quy mô hoạt động, thể hiện qua việc 3 lần phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 18 tỷ lên 25 tỷ, từ 25 tỷ lên 100 tỷ và từ 100 tỷ lên 170 tỷ. Công ty đã cơ cấu lại nguồn vốn và tăng hệ số nợ từ 0,9% trong năm 2009 lên 19% năm 2010.

Chỉ tiêu	2009	2010
HS Nợ/ Tổng tài sản	0,9%	19%

2.3.2. Hệ số nợ so với vốn chủ sở hữu:

Hệ số nợ so với vốn chủ sở hữu của công ty cũng luôn được đảm bảo được một tỷ lệ hợp lý theo từng giai đoạn cụ thể, đảm bảo việc sử dụng các khoản vốn vay một cách hiệu quả nhất.

Chỉ tiêu	2009	2010
HS Nợ/ Vốn chủ	0,9%	24%

2.4. Hệ số thanh toán:

2.4.1. Hệ số thanh toán ngắn hạn:

Hệ số thanh toán ngắn hạn của công ty năm 2010 là 3 lần. Tỷ lệ này là tỷ lệ tương đối an toàn, điều này cho thấy công ty cố gắng sử dụng tối đa và hiệu quả vốn lưu động nhưng vẫn đảm bảo khả năng thanh toán cho các khoản tín dụng ngắn hạn của doanh nghiệp.

Chỉ tiêu	2009	2010
HSTT ngắn hạn	109 lần	3 lần

2.4.2. Hệ số thanh toán nhanh:

Hệ số thanh toán nhanh của Công ty năm 2010 cũng là 3 lần. Điều này phản ánh rằng Công ty tăng quy mô hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu thực hiện đúng tiến độ hợp đồng.

Chỉ tiêu	2009	2010
HSTT nhanh	109 lần	3 lần

2.5. Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời:

2.5.1. Hệ số lợi nhuận ròng

Hệ số lợi nhuận ròng của Công ty năm 2010 là 32,59%. Điều này chứng tỏ công ty sử dụng hiệu quả các nguồn lực, giảm tối đa chi phí giá thành.

Chỉ tiêu	2009	2010
HS LN ròng/Doanh thu từ hoạt động SXKD	518,63%	32,59%

2.5.2. Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA)

Tuy ROA của năm 2010 có giảm hơn so với năm 2009 nhưng vẫn ở mức độ cho phép, do tình hình chi phí giá vốn liên tục thay đổi theo hướng năm sau cao hơn năm trước nhưng công ty vẫn duy trì việc sử dụng hiệu quả nguồn tài sản hiện có của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	2009	2010
ROA	4,10%	2,87%

2.5.3. Tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE)

ROE của năm 2010 có thấp hơn không nhiều lắm so với năm 2009, chứng tỏ Công ty cũng đang cố gắng sử dụng nguồn vốn có hiệu quả hơn.

Chỉ tiêu	2009	2010
ROE	4,14%	3,56%

3. Một số giải pháp chủ yếu để tổ chức thực hiện kế hoạch năm 2011.

Trong năm 2011, dự kiến tình hình kinh tế phục hồi chậm, cuộc suy thoái kinh tế vẫn còn tiếp diễn, chúng ta còn phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty xác định năm 2011 sẽ là năm có vị trí ý nghĩa hết sức quan trọng đối với sự phát triển

của công ty. Ban lãnh đạo Công ty nhận thức công ty đang phát triển với tốc độ nhanh về chất cũng như về lượng. Vì vậy, công tác quản trị và hệ thống quy trình kiểm soát nội bộ phải được chú trọng đầu tư và phát triển với độ tương ứng. Chính sách của FLC là đào tạo và phát triển lực lượng cán bộ quản lý hiện có, kết hợp với thu hút lực lượng cán bộ quản lý nhiều kinh nghiệm từ các công ty, tập đoàn lớn trong và ngoài nước. Bằng chính sách này, FLC đã khai thác và phát huy được những thế mạnh và giá trị truyền thống của mình, áp dụng và sàng lọc những kinh nghiệm, phương pháp quản lý tốt, đặc biệt là quản lý kinh doanh bất động sản...

3.1. Tập trung nguồn lực giữ vững và mở rộng kinh doanh:

- Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực để đảm bảo chất lượng, số lượng với trình độ học vấn, có năng lực quản lý, điều hành và ứng dụng công nghệ mới.
- Hoàn thành các mục tiêu về tiến độ của các dự án đầu tư.
- Đầu tư một cách hiệu quả vào các lĩnh vực tài chính, các công ty liên kết, công ty cổ phần khác.
- Tăng cường năng lực thiết bị, tích cực áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến, nâng cao năng lực kinh doanh, năng lực cạnh tranh, chủ động hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.
- Có các bước đi thích hợp để nâng cao hiệu quả công tác thu hút vốn đầu tư từ thị trường chứng khoán để tăng vốn điều lệ, mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh.

3.2. Phát huy văn hóa và thương hiệu doanh nghiệp:

- Tiếp tục đề cao tinh thần đoàn kết, chủ động, sáng tạo, dám nghĩ dám làm.
- Đưa các hoạt động của doanh nghiệp dần đi vào chuyên nghiệp hơn: các quy trình công việc, logo, màu sơn máy móc thiết bị, trang phục,...
- Hợp tác, liên doanh với các doanh nghiệp cùng ngành nghề, đặc biệt là các doanh nghiệp nước ngoài để tiếp thu khoa học quản lý, phong cách làm việc, tiếp thu tư duy mới trong quản trị, điều hành doanh nghiệp.

3.3. Công tác nhân sự đào tạo:

Công ty đảm bảo toàn bộ cán bộ công nhân viên được đào tạo để có đủ năng lực chuyên môn thực hiện tốt công việc được giao. Việc đào tạo và huấn luyện các kỹ năng chuyên môn cần thiết được thực hiện tại công ty hoặc đào tạo các khóa học bên ngoài theo kế hoạch đào tạo của Công ty đã được lập.

Tổng số CBCNV có khoảng 45 người, điều kiện làm việc được đảm bảo an toàn và ổn định, chế độ lương theo quy chế tiền lương của HĐQT phê chuẩn và công ty thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT... theo quy định của pháp luật hiện hành.

- **Công tác tuyển dụng:** Với phương châm con người là yếu tố quyết định thành công của Công ty. Đầu tư con người là đầu tư phát triển bền vững.

+ Nâng cấp quy trình tuyển dụng đảm bảo lựa chọn được những nhân tài có năng lực cao cho Công ty. Hằng năm, tùy thuộc vào yêu cầu phát triển, Công ty luôn chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo nghiệp vụ tổng thể.

+ Công ty chủ trương, khuyến khích, hỗ trợ cán bộ nhân viên có nhu cầu, có năng lực đi học các lớp nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt kiến thức về quản trị kinh doanh tại các trường trong nước cũng như học ngắn hạn ở nước ngoài.

- Chính sách nuôi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực:

+ Công ty cũng tập trung nhiều vào chính sách phúc lợi, điều chỉnh quy chế trả lương, thưởng theo hướng thu nhập của người lao động gắn liền với hiệu quả kinh doanh, trên nguyên tắc công bằng, thực hiện nghiêm túc nội quy lao động trong Công ty. Thực hiện việc khen thưởng nhằm tôn vinh những cá nhân có nhiều cống hiến, cam kết làm việc lâu dài và là những CBCNV tiềm năng của công ty. Các CBCNV này được chú trọng đào tạo phát triển và được xem xét vào vị trí quản lý chủ chốt của Công ty.

+ Tiếp tục nâng cao thu nhập cho người lao động tương xứng với hiệu quả kinh doanh. Thu nhập phải đảm bảo người lao động yên tâm công tác vì sự nghiệp phát triển chung, thu hút được nhân tài, đánh giá công bằng, khuyến khích cá nhân có năng lực chuyên môn, tinh thần trách nhiệm, chủ động sáng tạo trong công việc.

3.4. Những công tác cải tiến về chính sách quản lý:

- Từng bước cơ cấu lại Doanh nghiệp, phân định rõ trách nhiệm từng bộ phận, phòng ban, tránh chồng chéo về chức năng và nhiệm vụ.

- Phân cấp, phân quyền cũng như giao trách nhiệm cao hơn nữa cho các trưởng bộ phận để nâng cao tính chủ động và linh hoạt trong quản lý, tăng cường kỷ luật lao động, nâng cao kiến thức, kỹ năng, trách nhiệm lao động và hiệu quả công việc của CBCNV.

- Hoàn thiện bộ máy và củng cố lực lượng nhân sự, cơ chế hoạt động, quy trình, chính sách chuyên nghiệp để sẵn sàng cho giai đoạn phát triển mới

- Áp dụng tiêu chuẩn quản lý chất lượng, sử dụng tài sản Công ty hợp lý.

- Hệ thống kiểm soát nội bộ phải được đo lường và đánh giá theo các tiêu chí chất lượng.

3.5. Công tác thi đua khen thưởng:

Công ty thưởng các ngày lễ lớn 30/4, 1/5, 2/9 và dịp cuối năm (lương tháng thứ 13, thưởng hoàn thành vượt mức kế hoạch...). Bên cạnh đó còn có các chế độ đãi ngộ khác như: nghỉ mát, du lịch, khám chữa bệnh....

3.6. Công tác Tài chính kế toán:

- Tham gia góp vốn vào các công ty khác nhưng vẫn có hoạt động hỗ trợ cho các định hướng chính của FLC để tăng hiệu quả đầu tư và quay vòng vốn. Có các bước đi thích hợp để nâng

cao hiệu quả công tác thu hút vốn đầu tư từ thị trường chứng khoán để tăng vốn điều lệ, mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh.

- Tạo mối quan hệ tốt đối với các đối tác chiến lược, các Ngân hàng, các Quỹ đầu tư... để nhận được các nguồn vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

- Xây dựng các biện pháp quản lý tốt và sử dụng hiệu quả nguồn vốn trong quá trình đầu tư, thực hiện dự án.

4. Kết luận:

Trong năm 2010, nền kinh tế Việt Nam đã qua khỏi thời kỳ khó khăn, nhưng các yếu tố vĩ mô vẫn chưa ổn định và chưa tạo được lực đủ mạnh để đưa nền kinh tế trở lại giai đoạn phát triển. Nhưng chúng tôi tin tưởng rằng với tầm nhìn chiến lược và chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, năng lực quản lý, điều hành vững vàng của Ban Tổng giám đốc, tính chuyên nghiệp của Ban kiểm soát và sự quyết tâm, tinh thần trách nhiệm của toàn thể cán bộ, nhân viên và người lao động đang làm việc tại FLC, sự đóng góp ý kiến của Quý Cổ đông trong suốt quá trình hoạt động đã tiếp sức cho chúng tôi đưa FLC ngày càng phát triển, hoàn thành kế hoạch năm 2011. Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm của các cổ đông đã đặt niềm tin vào FLC, cảm ơn sự nỗ lực hết mình của đội ngũ cán bộ công nhân viên đã đóng góp công sức và trí tuệ vào sự phát triển của FLC. Chúng tôi xin cam kết sẽ phấn đấu hoàn thành cả mục tiêu và nhiệm vụ năm 2011.

IV. Báo cáo của ban kiểm soát:

(Trưởng ban kiểm soát Nguyễn Tiến Dũng)

- Căn cứ vào điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC về quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát.
- Căn cứ vào báo cáo quyết toán tài chính năm 2010 do Công Ty Cổ phần Tập đoàn FLC lập đã được Công ty TNHH Delloite Việt Nam kiểm toán.

Ban kiểm soát xin báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2010 của Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC như sau:

1. Tình hình hoạt động của công ty:

Tình hình tài chính năm 2010 của Công ty đã được thể hiện đầy đủ, rõ ràng trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Delloite Việt Nam. Trong đó:

Chỉ tiêu	2009	2010
Doanh thu	1.116.818.182	36.727.795.418
Lợi nhuận sau thuế	777.949.175	7.869.183.923

2. Nhận xét và kiến nghị của Ban kiểm soát:

2.1. Nhận xét:

Qua xem xét một số báo cáo và tình hình thực tế tại Công ty, Ban kiểm soát nhận xét một số vấn đề sau:

- Doanh thu và lợi nhuận năm 2010 so với năm 2009 có bước nhảy vọt, đánh dấu một sự cố gắng của Ban lãnh đạo cùng tập thể cán bộ công nhân viên công ty đã nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong hoạt động kinh doanh.
- Các hoạt động của Công ty trong năm 2010 đều tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành, các quy trình, quy chế các phòng ban đang hoàn thiện và áp dụng có hiệu quả.
- Trong năm 2010, mặc dù có kế hoạch niêm yết lên sàn chứng khoán HNX nhưng do điều kiện thị trường không thuận lợi nên ban điều hành quyết định chưa thực hiện.

2.2. Kiến nghị:

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ và xây dựng các tiêu chí để làm căn cứ kiểm soát.
- Tháng 8/2010, vì lý do cá nhân ông Dương Minh Thông xin từ nhiệm, do đó đề nghị đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung ông Nguyễn Tiến Dũng làm trưởng Ban Kiểm soát.

3. Phương hướng hoạt động năm 2011 của Ban kiểm soát:

- Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại điều lệ Công ty và pháp luật nhà nước
- Triển khai công tác kiểm tra, giám sát định kỳ theo điều lệ hoặc đột xuất nếu cần thiết.
- Theo dõi các quy trình, quy chế kiểm soát nội bộ của các phòng ban trong công ty.
- Xem xét các báo cáo tài chính quý và năm của công ty.

V. Báo cáo tài chính kiểm toán công ty mẹ năm 2010

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Văn Quyết	Chủ tịch	(bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2010)
Ông Doãn Văn Phương	Chủ tịch	(bổ nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2010)
		(miễn nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2010)
	Phó Chủ tịch	(bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2010)
Bà Lê Thị Ngọc Diệp	Chủ tịch	(miễn nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2010)

Ông Lê Đình Vinh	Phó Chủ tịch	(bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2010)
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 09 tháng 8 năm 2010)
	Phó Chủ tịch	(bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2010)
Ông Trịnh Hồng Quý	Thành viên	
Bà Đỗ Thị Giáp	Thành viên	(miễn nhiệm ngày 09 tháng 8 năm 2010)
Bà Trịnh Thị Minh Huế	Thành viên	(miễn nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2010)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Bình	Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2010)
Bà Nguyễn Hải Như	Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2010)
Bà Trần Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2010)
Bà Trịnh Thị Minh Huế	Phó Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 05 tháng 02 năm 2010) (miễn nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2010)
Bà Đinh Vân Trang	Phó Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm 31 tháng 8 năm 2010)
Ông Nguyễn Quốc Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm 31 tháng 8 năm 2010)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		160.701.751.466	18.864.871.699
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.600.681.790	114.871.699
1. Tiền	111		2.600.681.790	114.871.699
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		128.168.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	128.170.480.000	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(2.480.000)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.426.544.257	9.250.000.000
1. Phải thu khách hàng	131		10.503.823.257	-
2. Trả trước cho người bán	132		154.455.000	9.250.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	21	8.774.666.000	-
4. Các khoản phải thu khác	135	7	4.993.600.000	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.506.525.419	9.500.000.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		588.297.119	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.918.228.300	9.500.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		113.142.050.271	86.000.879
I. Tài sản cố định	220		1.900.563.634	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.889.563.634	-
- Nguyên giá	222		2.105.939.931	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(216.376.297)	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		11.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		110.679.957.869	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	9	112.991.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	10	(2.311.042.131)	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		561.528.768	86.000.879
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		358.031.256	86.000.879
2. Tài sản dài hạn khác	268		203.497.512	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		273.843.801.737	18.950.872.578

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		53.274.463.557	172.923.403
I. Nợ ngắn hạn	310		53.274.463.557	172.923.403
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	908.886.510	-
2. Phải trả người bán	312		742.049.603	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	2.768.703.390	172.923.403
4. Phải trả người lao động	315		1.778.435.952	-
5. Chi phí phải trả	316		7.415.300	-
6. Phải trả nội bộ	317		38.800.200.000	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		8.196.377.884	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		72.394.918	-
B. NGUỒN VỐN (400= 410)□	400		220.569.338.180	18.777.949.175
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	220.569.338.180	18.777.949.175
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		170.000.000.000	18.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		42.000.000.000	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		77.794.918	-
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		38.897.459	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		8.452.645.803	777.949.175
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		273.843.801.737	18.950.872.578

Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Dương Minh Thông
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010***MẪU SỐ B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	14	57.539.012.332	181.818.182
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	14	25.429.483.035	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	14	32.109.529.297	181.818.182
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	15	16.877.477.343	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		15.232.051.954	181.818.182
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	4.618.266.121	935.000.000
7. Chi phí tài chính	22	17	3.039.447.330	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		200.200.000	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.344.860.702	173.849.485
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		10.466.010.043	942.968.697
11. Thu nhập khác	31		293.775.700	-
12. Chi phí khác	32		200.873.845	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		92.901.855	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		10.558.911.898	942.968.697
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	2.689.727.975	165.019.522
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		7.869.183.923	777.949.175

Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Dương Minh Thông
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10.558.911.898	942.968.697
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	216.376.297	-
Các khoản dự phòng	03	2.313.522.131	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(4.618.266.121)	(935.000.000)
Chi phí lãi vay	06	200.200.000	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	8.670.744.205	7.968.697
(Tăng) các khoản phải thu	09	(11.615.405.257)	(18.650.000.000)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	49.476.820.811	(92.096.119)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	3.517.946.692	(86.000.879)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(246.490.060)	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	15	(5.400.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	49.798.216.391	(18.820.128.301)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.116.939.931)	-
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(128.170.480.000)	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(112.991.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.057.127.121	935.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(242.221.292.810)	935.000.000
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	194.000.000.000	18.000.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	908.886.510	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	194.908.886.510	18.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	2.485.810.091	114.871.699
Tiền tồn đầu năm	60	114.871.699	-
Tiền tồn cuối năm	70	2.600.681.790	114.871.699

Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

Dương Minh Thông
Kế toán trưởng

Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp CRV - chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư Trường Phú Fortune - hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 01 số 0102033961 ngày 17 tháng 3 năm 2008 và 8 lần điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 170.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 30 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 10).

Hoạt động chính

Dịch vụ quản lý bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản (chỉ hoạt động theo chứng chỉ hành nghề của người đại diện theo pháp luật); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng: giao thông, công nghiệp, thủy lợi, điện, hạ tầng kỹ thuật đô thị; Chuẩn bị mặt bằng; Phá dỡ các công trình xây dựng; Xây dựng nhà các loại; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê ô tô; Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; Lập dự án, quản lý dự án các công trình: giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, điện (chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực về quản lý dự án xây dựng theo quy định của pháp luật); Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Lập trình máy vi tính; Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy vi tính; Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan; Dịch vụ quảng cáo; Kinh doanh bất động sản; Bán buôn, bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Bán buôn xe có động cơ; Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, ô tô vận tải; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (trừ thiết bị thu phát sóng); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế); Tư vấn đầu tư, tư vấn quản trị doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính); Dịch vụ khách sạn (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke); Dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn hạn (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke); Khai thác và thu gom than cứng; Khai thác và thu gom than non; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (trừ quặng Nhà nước cấm); Khai thác quặng kim loại quý hiếm (trừ quặng Nhà nước cấm); Sản xuất than cốc; Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; Sản xuất sản phẩm chịu lửa.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Việt Nam Đồng (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại các ngân hàng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2010 (năm)
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản cố định khác	3

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Công ty con là công ty mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh. Trong báo cáo tài chính riêng của Công ty, khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Trong báo cáo tài chính riêng của Công ty, khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp giá gốc. Theo đó, các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ phản ánh khoản thu nhập được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị tài sản thuần của bên nhận góp vốn tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Ban Giám đốc Công ty quyết định trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc trích lập dự phòng theo quy định của Thông tư 228/2009/TT-BTC sẽ phản ánh hợp lý giá trị của các khoản đầu tư tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.887.001.286	114.871.699
Tiền gửi ngân hàng	713.680.504	-
	<u>2.600.681.790</u>	<u>114.871.699</u>

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	2.870.480.000	-
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 9 - SD9</i>	<i>454.480.000</i>	-
<i>Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam -PVX</i>	<i>216.000.000</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện</i>	<i>2.200.000.000</i>	-
Đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Công nghệ cao B&T (i)	4.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Ninh Bắc (ii)	120.500.000.000	-
	<u>128.170.480.000</u>	<u>-</u>

(i) Theo Biên họp số 06/BB/HĐQT/FLC-2011 ngày 10 tháng 3 năm 2011, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định thoái toàn bộ số vốn góp tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Cao B&T. Thời gian dự kiến thoái vốn là trong tháng 3 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng việc trình bày khoản đầu tư này ở khoản mục đầu tư ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán sẽ phản ánh đúng tính chất khoản đầu tư cũng như tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010.

(ii) Là khoản cho vay ngắn hạn theo nhiều khế ước với lãi suất là 1,3%/ tháng.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Phải thu về lãi cho vay	3.474.750.000	-
Phải thu từ bán chứng khoán	918.850.000	-
Phải thu khác	600.000.000	-
	<u>4.993.600.000</u>	<u>-</u>

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2010	-	-	-	-
Mua trong năm	1.879.042.995	186.854.636	40.042.300	2.105.939.931
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2010	1.879.042.995	186.854.636	40.042.300	2.105.939.931
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2010	-	-	-	-
Khấu hao trong năm	163.209.656	41.026.280	12.140.361	216.376.297
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2010	163.209.656	41.026.280	12.140.361	216.376.297
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2010	1.715.833.339	145.828.356	27.901.939	1.889.563.634
Tại ngày 31/12/2009	-	-	-	-

9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty kiểm soát 03 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con như sau:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ phần biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần FLC GolfNet	Hà Nội	98	98	Dịch vụ, thương mại
2	Công ty TNHH Hải Châu	Vĩnh Phúc	99,13	99,13	Sản xuất, dịch vụ, thương mại
3	Công ty Cổ phần Đào tạo Golf VP GA	Hà Nội	91,67	91,67	Dịch vụ, thương mại

Số tiền đầu tư vào các công ty con như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Công ty Cổ phần FLC GolfNet	16.900.000.000	-
Công ty TNHH Hải Châu	93.341.000.000	-
Công ty Cổ phần Đào tạo Golf VPGA	2.750.000.000	-
	112.991.000.000	-

10. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Công ty Cổ phần FLC GolfNet	1.994.934.437	-
Công ty TNHH Hải Châu	316.107.694	-
	2.311.042.131	-

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long	908.886.510	-
	<u>908.886.510</u>	<u>-</u>

Vay và nợ ngắn hạn thể hiện khoản vay cầm cố chứng khoán khi thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán trên tài khoản giao dịch của Công ty mở tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	51.397.245	7.903.881
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.608.257.437	165.019.522
Thuế thu nhập cá nhân	109.048.708	-
	<u>2.768.703.390</u>	<u>172.923.403</u>

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2009	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	777.949.175	777.949.175
Tăng vốn	18.000.000.000	-	-	-	-	18.000.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2010	18.000.000.000	-	-	-	777.949.175	18.777.949.175
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	7.869.183.923	7.869.183.923
Tăng vốn	152.000.000.000	42.000.000.000	77.794.918	38.897.459	-	194.116.692.377
Giảm khác	-	-	-	-	194.487.295	194.487.295
Số dư tại ngày 31/12/2010	<u>170.000.000.000</u>	<u>42.000.000.000</u>	<u>77.794.918</u>	<u>38.897.459</u>	<u>8.452.645.803</u>	<u>220.569.338.180</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, vốn điều lệ đã được các cổ đông của Công ty góp đủ như sau:

Cổ đông	Tại ngày 31/12/2010		
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Ninh Bắc	5.200.000	31	52.000.000.000
Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	1.080.000	6	10.800.000.000
Bà Trịnh Thị Thanh Huyền	1.581.200	9	15.812.000.000
Ông Trịnh Văn Đại	1.000.000	6	10.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	961.500	6	9.615.000.000
Cổ đông khác	7.177.300	42	71.773.000.000
	<u>17.000.000</u>	<u>100</u>	<u>170.000.000.000</u>

14. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>2010</u>	<u>2009</u>
	VND	VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa	39.999.075.996	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.539.936.336	181.818.182
Trong đó:		
<i>Dịch vụ tư vấn</i>	13.175.900.000	-
<i>Dịch vụ môi giới</i>	4.364.036.336	-
	<u>57.539.012.332</u>	<u>181.818.182</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại (i)	(25.429.483.035)	-
	<u>(25.429.483.035)</u>	<u>-</u>
Doanh thu thuần		
Doanh thu thuần bán hàng hóa	14.569.592.961	-
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	17.539.936.336	181.818.182
	<u>32.109.529.297</u>	<u>181.818.182</u>

(i) Là doanh thu hàng bán trả lại của lô thép đã bán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Ninh Bắc trong tháng 5 năm 2010.

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>2010</u>	<u>2009</u>
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	13.677.619.843	-
Giá vốn dịch vụ cung cấp	3.199.857.500	-
	<u>16.877.477.343</u>	<u>-</u>

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>2010</u>	<u>2009</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.618.266.121	935.000.000
	<u>4.618.266.121</u>	<u>935.000.000</u>

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>2010</u>	<u>2009</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	200.200.000	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	2.311.042.131	-
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư chứng khoán	528.205.199	-
	<u>3.039.447.330</u>	<u>-</u>

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>2010</u>	<u>2009</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	10.558.911.898	942.968.697
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	200.000.000	-
Thu nhập chịu thuế	10.758.911.898	942.968.697
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.689.727.975	235.742.174
Ưu đãi giảm 30% theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC	-	70.722.652
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.689.727.975	165.019.522

19. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<u>2010</u>	<u>2009</u>
	VND	VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Ninh Bắc	17.067.320.234	-
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Ninh Bắc	351.250.000	-
Công ty Luật TNHH SMIC	120.000.000	-
Lãi vay nhận được		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Ninh Bắc	3.474.750.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Địa ốc FLC	225.000.000	-
Công ty Cổ phần FLC GolfNet	193.500.000	-
Chi phí lãi vay		
Công ty TNHH Hải Châu	200.200.000	-
Góp vốn điều lệ		
Công ty Cổ phần Đào tạo Golf VP GA	2.750.000.000	-
Nhận vốn góp		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Ninh Bắc	52.000.000.000	-
Thu nhập Ban giám đốc	695.758.538	-

19. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**Số dư với các bên liên quan:**

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác (cho vay)		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Ninh Bắc	120.500.000.000	-
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Ninh Bắc	8.555.172.257	-
Công ty Luật TNHH SMIC	528.000.000	-
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Ninh Bắc	-	9.250.000.000
Các khoản phải thu khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Ninh Bắc	3.474.750.000	-
Ông Doãn Văn Phương	600.000.000	-
Phải thu nội bộ ngắn hạn		
Công ty Cổ phần FLC GolfNet	8.393.500.000	-
Công ty TNHH Hải Châu	381.166.000	-
Tạm ứng cho nhân viên		
Bà Trịnh Thị Minh Huệ	1.618.750.000	-
Phải trả người bán		
Công ty Luật TNHH SMIC	214.648.500	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Địa ốc FLC	135.359.998	-
Phải trả nội bộ		
Công ty TNHH Hải Châu	38.800.200.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Ninh Bắc	7.613.276.000	-
20. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ		

Công ty đang tiến hành các bước chuẩn bị để thực hiện niêm yết toàn bộ số cổ phiếu của Công ty trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) trong quý 2 năm 2011.

21. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác.

Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Dương Minh Thông
Kế toán trưởng

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 04 đến trang 17. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 01 và 02, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác, Công ty này đã phát hành báo cáo kiểm toán vào ngày 19 tháng 5 năm 2010 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 3 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV

VI. Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		176.777.992.400	18.864.871.699
I. Tiền	110	5	4.355.914.330	114.871.699
1. Tiền	111		4.355.914.330	114.871.699
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		148.018.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn khác	121	6	148.020.480.000	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(2.480.000)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.096.302.315	9.250.000.000
1. Phải thu khách hàng	131		10.559.713.982	-
2. Trả trước cho người bán	132		154.455.000	9.250.000.000
3. Các khoản phải thu khác	135		6.382.133.333	-
IV. Hàng tồn kho	140		352.468.928	-
1. Hàng tồn kho	141		352.468.928	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.955.306.827	9.500.000.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		663.059.437	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.331.724.553	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.960.522.837	9.500.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260+269)	200		59.056.572.286	86.000.879
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.580.649.191	-
1. Phải thu dài hạn khác	218		3.580.649.191	-
I. Tài sản cố định	220		18.764.716.708	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	12.818.189.265	-
- Nguyên giá	222		14.340.588.058	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.522.398.793)	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	5.946.527.443	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.726.030.340	86.000.879
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.522.532.828	86.000.879
2. Tài sản dài hạn khác	268		203.497.512	-
IV. Lợi thế thương mại	269	10	34.985.176.047	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		235.834.564.686	18.950.872.578

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		15.391.061.860	172.923.403
I. Nợ ngắn hạn	310		15.391.061.860	172.923.403
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	908.886.510	-
2. Phải trả người bán	312		1.437.634.100	-
3. Người mua trả tiền trước	313		49.818.974	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	2.820.163.645	172.923.403
5. Phải trả người lao động	315		1.890.806.729	-
6. Chi phí phải trả	316		7.415.300	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	8.203.941.684	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		72.394.918	-
B. NGUỒN VỐN (400= 410)	400		219.520.996.753	18.777.949.175
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	219.520.996.753	18.777.949.175
1. Vốn điều lệ	411		170.000.000.000	18.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		42.000.000.000	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		77.794.918	-
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		38.897.459	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.404.304.376	777.949.175
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		922.506.073	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		235.834.564.686	18.950.872.578

Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Dương Minh Thông
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	57.646.612.535	181.818.182
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	15	25.429.483.035	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	15	32.217.129.500	181.818.182
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	16	17.063.880.502	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		15.153.248.998	181.818.182
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	6.023.708.321	935.000.000
7. Chi phí tài chính	22		652.448.254	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		124.243.055	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.940.713.728	173.849.485
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		10.583.795.337	942.968.697
11. Thu nhập khác	31		293.785.700	-
12. Chi phí khác	32		1.563.259.181	-
13. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(1.269.473.481)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.314.321.856	942.968.697
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	2.730.206.339	165.019.522
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		6.584.115.517	777.949.175
Trong đó:				
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		(236.726.979)	-
17.2. Lợi ích của cổ đông Công ty mẹ	62		6.820.842.496	777.949.175
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	612	432

Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Dương Minh Thông
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	9.314.321.856	942.968.697
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.911.872.601	-
Các khoản dự phòng	03	2.480.000	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(4.664.074.985)	(935.000.000)
Chi phí lãi vay	06	124.243.055	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	7.688.842.527	7.968.697
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	4.630.959.296	(18.650.000.000)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(33.093.427)	-
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.922.613.584	(92.096.119)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	1.881.636.532	(86.000.879)
Tiền lãi vay đã trả	13	(124.243.055)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(246.490.060)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	250.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.400.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	15.964.825.397	(18.820.128.301)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(9.818.606.670)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(148.020.480.000)	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (i)	25	(46.864.674.094)	-
4. Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	27	1.162.391.654	935.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(203.541.369.110)	935.000.000
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	194.000.000.000	18.000.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	908.886.510	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.091.300.166)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	191.817.586.344	18.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	4.241.042.631	114.871.699
Tiền tồn đầu năm	60	114.871.699	-
Tiền tồn cuối năm	70	4.355.914.330	114.871.699
(i) Là chênh lệch giữa số tiền Công ty đã chi ra để mua Công ty Cổ phần FLC GolfNet và Công ty TNHH Hải Châu với giá trị 110.240.000.000 VND với số tiền thực có của Công ty Cổ phần FLC GolfNet và Công ty TNHH Hải Châu tại ngày mua là 63.376.325.906 VND.			

Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Dương Minh Thông
Kế toán trưởng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp CRV - chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư Trường Phú Fortune - theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 01 số 0102033961 ngày 17 tháng 3 năm 2008 và 8 lần điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 170.000.000.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Dịch vụ quản lý bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản (chỉ hoạt động theo chứng chỉ hành nghề của người đại diện theo pháp luật); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng: giao thông, công nghiệp, thủy lợi, điện, hạ tầng kỹ thuật đô thị; Chuẩn bị mặt bằng; Phá dỡ các công trình xây dựng; Xây dựng nhà các loại; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê ô tô; Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; Lập dự án, quản lý dự án các công trình: giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, điện (chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực về quản lý dự án xây dựng theo quy định của pháp luật); Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Lập trình máy vi tính; Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy vi tính; Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan; Dịch vụ quảng cáo; Kinh doanh bất động sản; Bán buôn, bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Bán buôn xe có động cơ: Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, ô tô vận tải; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (trừ thiết bị thu phát sóng); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế); Tư vấn đầu tư, tư vấn quản trị doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính); Dịch vụ khách sạn (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke); Dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn hạn (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke); Khai thác và thu gom than cứng; Khai thác và thu gom than non; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (trừ quặng Nhà nước cấm); Khai thác quặng kim loại quý hiếm (trừ quặng Nhà nước cấm); Sản xuất than cốc; Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; Sản xuất sản phẩm chịu lửa.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2010 (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 17
Máy móc, thiết bị	5
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản cố định khác	3

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (c) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (d) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Tiền mặt	3.577.027.483	114.871.699
Tiền gửi ngân hàng	778.886.847	-
	<u>4.355.914.330</u>	<u>114.871.699</u>

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	2.870.480.000	-
<i>Công ty Cổ phần Sóng đà 9 - SD9</i>	454.480.000	-
<i>Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam -PVX</i>	216.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện</i>	2.200.000.000	-
Đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Công nghệ cao B&T (i)	4.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Ninh Bắc (ii)	127.000.000.000	-
Cho các cá nhân vay (iii)	13.350.000.000	-
	148.020.480.000	-

(iii) Theo Biên hợp số 06/BB/HĐQT/FLC-2011 ngày 10 tháng 3 năm 2011, Hội đồng Quản trị Công ty quyết định thoái toàn bộ số vốn góp tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ cao B&T. Công ty đã thu hồi khoản đầu tư nêu trên ngày 30 tháng 3 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng việc trình bày khoản đầu tư này ở khoản mục đầu tư ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

(iv) Là khoản cho vay ngắn hạn theo nhiều khế ước với lãi suất là 1,3%/ tháng.

(v) Là các khoản cho các cá nhân vay ngắn hạn theo nhiều khế ước với lãi suất từ 1% đến 1,5%/tháng.

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2010	-	-	-	-	-	-
Mua trong năm	2.121.322.868	1.320.750.000	1.879.042.995	240.854.636	470.632.300	6.032.602.799
Tăng do mua Công ty con	7.781.687.804	-	526.297.455	-	-	8.307.985.259
Tại ngày 31/12/2010	9.903.010.672	1.320.750.000	2.405.340.450	240.854.636	470.632.300	14.340.588.058
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2010	-	-	-	-	-	-
Khấu hao trong năm	386.449.647	642.857	180.752.904	41.026.280	12.140.361	621.012.049
Tăng do mua Công ty con	854.229.794	-	47.156.950	-	-	901.386.744
Tại ngày 31/12/2010	1.240.679.441	642.857	227.909.854	41.026.280	12.140.361	1.522.398.793
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2010	8.662.331.231	1.320.107.143	2.177.430.596	199.828.356	458.491.939	12.818.189.265
Tại ngày 31/12/2009	-	-	-	-	-	-

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	2010
	VND
Tại ngày 01 tháng 01	-
Tăng trong năm	5.938.927.648
Tăng do mua Công ty con	2.559.512.663
Kết chuyển tăng tài sản cố định	2.551.912.868
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	5.946.527.443

9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty kiểm soát 03 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con như sau:

STT	Tên công ty	Ngày có quyền kiểm soát	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ phần biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần FLC GolfNet	08/06/2010	Hà Nội	98	98	Dịch vụ, thương mại
2	Công ty TNHH Hải Châu	11/05/2010	Vĩnh Phúc	99,13	99,13	Sản xuất, dịch vụ, thương mại
3	Công ty Cổ phần Đào tạo Golf VP GA	01/4/2010	Hà Nội	91,67	91,67	Dịch vụ, thương mại

10. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	2010
	VND
Tại ngày 01 tháng 01	-
Tăng trong năm	37.276.036.599
Phân bổ trong năm	2.290.860.552
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	34.985.176.047
<i>Trong đó:</i>	31/12/2010
	VND
Công ty Cổ phần FLC GolfNet	12.163.572.703
Công ty TNHH Hải Châu	22.821.603.344
	34.985.176.047

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long	908.886.510	-
	<u>908.886.510</u>	<u>-</u>

Vay và nợ ngắn hạn thể hiện khoản vay cầm cố chứng khoán khi thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán trên tài khoản giao dịch của Công ty mở tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	51.397.245	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.334.073	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.655.914.619	-
Thuế thu nhập cá nhân	110.517.708	-
	<u>2.820.163.645</u>	<u>-</u>

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Ninh Bắc	7.613.276.000	-
Phải trả từ mua chứng khoán	438.800.000	-
Khác	151.865.684	-
	<u>8.203.941.684</u>	<u>-</u>

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2009	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	777.949.175	777.949.175
Tăng vốn	18.000.000.000	-	-	-	-	18.000.000.000
Số dư tại ngày 01/01/2010	18.000.000.000	-	-	-	777.949.175	18.777.949.175
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	6.820.842.496	6.820.842.496
Tăng vốn	152.000.000.000	42.000.000.000	77.794.918	38.897.459	-	194.116.692.377
Giảm khác	-	-	-	-	194.487.295	194.487.295
Số dư tại ngày 31/12/2010	170.000.000.000	42.000.000.000	77.794.918	38.897.459	7.404.304.376	219.520.996.753

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, vốn điều lệ đã được các cổ đông của Công ty góp đủ như sau:

Cổ đông	Tại 31/12/2010		
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Ninh Bắc	5.200.000	30,5	52.000.000.000
Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	1.080.000	6,3	10.800.000.000
Bà Trịnh Thị Thanh Huyền	1.581.200	9,3	15.812.000.000
Ông Trịnh Văn Đại	1.000.000	5,8	10.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	961.500	5,6	9.615.000.000
Cổ đông khác	7.177.300	42,5	71.773.000.000
	17.000.000	100	170.000.000.000

15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2010 VND	2009 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa	40.090.574.015	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.556.038.520	181.818.182
Trong đó:		
<i>Dịch vụ tư vấn</i>	<i>13.175.900.000</i>	-
<i>Dịch vụ môi giới</i>	<i>4.364.036.336</i>	-
<i>Dịch vụ khác</i>	<i>16.102.184</i>	-
	57.646.612.535	181.818.182
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	(25.429.483.035)	-
Doanh thu thuần		
Doanh thu thuần bán hàng hóa	14.661.090.980	-
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	17.556.038.520	181.818.182
	32.217.129.500	181.818.182

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>2010</u>	<u>2009</u>
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	13.716.858.592	-
Giá vốn dịch vụ cung cấp	3.347.021.910	-
	<u>17.063.880.502</u>	<u>-</u>

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>2010</u>	<u>2009</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.023.708.321	935.000.000
	<u>6.023.708.321</u>	<u>935.000.000</u>

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>2010</u>	<u>2009</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	9.314.321.856	942.968.697
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	179.818.421	-
Ảnh hưởng do lỗ của công ty con không được đối trừ	1.584.536.466	-
Ảnh hưởng do lỗ của Công ty con được đối trừ	(157.851.389)	-
Thu nhập chịu thuế	10.920.825.354	942.968.697
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.730.206.339	235.742.174
Ưu đãi giảm 30% theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC	-	70.722.652
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>2.730.206.339</u>	<u>165.019.522</u>

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>2010</u>	<u>2009</u>
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	6.820.842.496	777.949.175
	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Số cổ phiếu		
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	11.144.347	1.800.000
	<u>2010</u>	<u>2009</u>
	VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	612	432

20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<u>2010</u>	<u>2009</u>
	VND	VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Ninh Bắc	17.067.320.234	-
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Ninh Bắc	351.250.000	-
Công ty Luật TNHH SMIC	120.000.000	-
Lãi vay nhận được		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Ninh Bắc	3.474.750.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Địa ốc FLC	225.000.000	-
Công ty Cổ phần FLC GolfNet	193.500.000	-
Chi phí lãi vay		
Công ty TNHH Hải Châu	200.200.000	-
Nhận vốn góp		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Ninh Bắc	52.000.000.000	-
Thu nhập Ban giám đốc	695.758.538	-
Số dư với các bên liên quan:		
	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác (cho vay)		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Ninh Bắc	120.500.000.000	-
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Ninh Bắc	8.555.172.257	-
Công ty Luật TNHH SMIC	528.000.000	-
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Ninh Bắc	-	9.250.000.000
Các khoản phải thu khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Ninh Bắc	3.474.750.000	-
Ông Doãn Văn Phương	600.000.000	-
Tạm ứng cho nhân viên		
Bà Trịnh Thị Minh Huệ	1.618.750.000	-
Phải trả người bán		
Công ty Luật TNHH SMIC	214.648.500	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Địa ốc FLC	135.359.998	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Ninh Bắc	7.613.276.000	-

21. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Công ty đang tiến hành các bước chuẩn bị để thực hiện niêm yết toàn bộ số cổ phiếu của Công ty trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) trong quý 2 năm 2011.

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.

Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

Dương Minh Thông
Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

VII. Các công ty có liên quan

TT	Tên công ty	Vốn điều lệ (đồng)	Số cổ phần theo ĐKKD	Giá trị (đồng)	% Sở hữu/ kiểm soát
1	Công ty TNHH Hải Châu	70.000.000.000	7.000.000	70.000.000.000 0	99,13%
2	Công ty Cổ phần FLC Golfnet	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000	98%
3	Công ty Cổ phần Đào tạo Golf VPGA	3.000.000.000	300.000	3.000.000.000	91,67%

Giới thiệu về các Công ty con

❖ Công ty TNHH Hải Châu

Vào ngày 27 tháng 04 năm 2010, Công ty cổ phần Tập đoàn FLC đã mua lại phần vốn góp từ một thành viên góp vốn của Công ty TNHH Hải Châu là 47.894.100.000 đồng tương đương 68,42% vốn điều lệ của Hải Châu với số tiền thực trả là 71.841.000.000 đồng. Theo đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC trở thành một trong ba thành viên góp vốn của Công ty TNHH Hải Châu. Giá trị khoản đầu tư này căn cứ vào việc xác định giá trị thị trường của các tài sản và quyền sử dụng 3.861,5 m² đất mà Hải Châu sở hữu.

Công ty TNHH Hải Châu (Hải Châu) thành lập từ năm 2003 theo giấy đăng ký kinh doanh số 2500228140 với số vốn điều lệ hiện tại là 70 tỷ đồng. Ngành, nghề kinh doanh chính của Hải Châu bao gồm: Kinh doanh dịch vụ khách sạn nhà nghỉ, kinh doanh dịch vụ ăn uống, xây dựng công trình: Dân dụng, giao thông, thủy lợi, đầu tư xây dựng hạ tầng khu đô thị, kinh doanh bất động sản, hoàn thiện công trình xây dựng....

Trụ sở chính của Công ty TNHH Hải Châu tại số 402, đường Mê Linh, phường Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc. Hiện tại, doanh thu của Hải Châu chủ yếu bắt nguồn từ hoạt động xuất nhập khẩu gỗ, buôn bán vật liệu xây dựng và cho thuê một phần trụ sở làm việc.

❖ Công ty Cổ phần FLC Golfnet

Tiền thân của Công ty Cổ phần FLC Golfnet là Công ty Cổ phần Dịch vụ, Thương mại và Đầu tư Tân Mỹ Đình được thành lập tháng 9 năm 2009 theo giấy đăng ký kinh doanh số 0104168889 với số vốn điều lệ hiện tại là 5 tỷ đồng. Vào ngày 03 tháng 05 năm 2010, Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC đã đầu tư mua 400.000 cổ phần tương đương 80% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần FLC Golfnet (hiện đã sở hữu lên 98%). Tổng giá trị đầu tư là 16.900 triệu đồng được quyết định dựa trên việc xác định giá trị thị trường của các tài sản và quyền sử dụng 5.000m² đất của khu Liên hiệp thể thao Golfnet tại đường Tasco, khu Mỹ Đình 2, Hà Nội do FLC Golfnet làm chủ đầu tư.

Công ty Cổ phần FLC Golfnet hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ thể thao, giải trí và tổ chức hội nghị hội thảo. Trụ sở chính của Golfnet đặt tại thị trấn Cầu Diễn, Từ Liêm, Hà Nội. Công ty đã đưa vào hoạt động 2 sân tennis và một nhà hàng Hàn Quốc nằm trong khu liên hiệp thể thao Golfnet tại khu vực Mỹ Đình .

❖ Công ty Cổ phần Đào tạo Golf VPGA

Thành lập tháng 04 năm 2010 dưới tên Công ty Cổ phần Đào tạo Golf Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104563141 với mức vốn điều lệ 3.000.000.000 đồng, Công ty cung cấp dịch vụ dạy các môn thể thao như golf, tennis, bóng rổ; sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao; bán buôn dụng cụ thể dục thể thao; bán lẻ thiết bị dụng cụ thể dục thể thao tại các cửa hàng chuyên doanh; cho thuê thiết bị thể thao và vui chơi giải trí.... Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC hiện đang nắm giữ 91,67% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đào tạo Golf VPGA.

VIII. Thông tin về cổ đông Hội đồng quản trị

1.1 Hội đồng quản trị

Ông Trịnh Văn Quyết	Chủ tịch HĐQT
Ông Doãn Văn Phương	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó chủ tịch HĐQT

Ông Lê Đình Vinh Phó chủ tịch HĐQT

Ông Trịnh Hồng Quý Ủy viên HĐQT

Ông Trịnh Văn Quyết

Số CMND : 012843814 do CA Hà Nội cấp ngày 12/01/2006

Giới tính : Nam

Năm sinh : 27/11/1975

Nơi sinh : Vĩnh Phúc

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : B10 – BT3 khu đô thị Mỹ Đình II, Mỹ Đình, Từ Liêm,
Hà Nội

Điện thoại liên lạc : 0916196969

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ

Chức vụ công tác hiện nay : - Tổng giám đốc Công ty Luật TNHH SMiC
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC

Quá trình công tác :

Năm 1999 -2004 Giám đốc, Công ty Tư vấn Đầu tư SMiC

Năm 2004 – 7/2008 Trưởng văn phòng, Văn phòng luật sư SMiC

Tháng 7/2008 – nay Tổng giám đốc, Công ty Luật TNHH SMiC

Tháng 1/2010 - 08/2010 Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần FLC

Tháng 08/2010 - nay Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn
FLC

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán : Sở hữu cá nhân 300.000 cổ phần
tương đương 1,76% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán : Không
của người có liên quan

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

ty

Lợi ích có liên quan đối với : Không
tổ chức đăng ký niêm yết

Ông Doãn Văn Phương

Số CMND : 013171177 cấp ngày 12/03/2009 tại CA Hà Nội
Giới tính : Nam
Năm sinh : 03/09/1977
Nơi sinh : Hoằng Hóa, Thanh Hóa
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : P706 – CT3B, Đô Thị Mỹ Đình II, Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại liên lạc : 0912271111
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật
Chức vụ công tác hiện nay : - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC;
- Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính
Ninh Bắc
Quá trình công tác :
Từ 8/2000 – 8/2009 Phó phòng tổng hợp Công ty Dịch vụ Vật tư Viễn thông
Hà Nội - Bưu điện Hà Nội
Từ 9/2009 – Nay Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Ninh
Bắc
Từ 1/2010 - 08/2010 Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần FLC
08/2010 - nay Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán : Đại diện cho Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Ninh
Bắc 5.200.000 cổ phần
tương đương 30,59% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán : Không
của người có liên quan
Hành vi vi phạm pháp luật : Không
Các khoản nợ đối với Công : Không

ty

Lợi ích có liên quan đối với : Không
tổ chức đăng ký niêm yết

Ông Nguyễn Thanh Bình

Số CMND : 012714589 Cấp ngày 01/09/2004 tại Hà Nội
Giới tính : Nam
Năm sinh : 23/05/1975
Nơi sinh : Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : Vĩnh Thịnh, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc
Điện thoại liên lạc : 0977749889
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư
Chức vụ công tác hiện nay : Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC.
Quá trình công tác :
Từ 1997 – 2000 : Kỹ sư Viễn thông chuyên trách – Cục bưu điện trung ương
Từ 2000 – 2007 : Quản lý bán hàng – Công ty Schmidt & Co (HK)Ltd
Từ 2007 – 2010 : Giám đốc- Công ty TM&DV Công nghệ cao B&T
Từ 2010 - nay : Phó chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán : 0 Cổ phần tương đương 0% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người có liên quan : Không
Hành vi vi phạm pháp luật : Không
Các khoản nợ đối với Công ty : Không
ty
Lợi ích có liên quan đối với : Không

tổ chức đăng ký niêm yết

Ông Lê Đình Vinh

Số CMND : 013244981 cấp ngày 02/02/2010 tại CA Hà Nội
Giới tính : Nam
Năm sinh : 12/04/1972
Nơi sinh : xã Ngũ Kiên, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : Phòng 302 – CT 5 – ĐN1, Đô thị Mỹ Đình 2, Từ Liêm,
Hà Nội
Điện thoại liên lạc : 0915801111
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Tiến sỹ Luật
Chức vụ công tác hiện nay : - Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Luật SMiC;
- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC.
Quá trình công tác :
Từ 1995 – 2008 Giảng viên Trường Đại học Luật Hà Nội
Từ 2008 – 2009 Phó trưởng ban thư ký lãnh đạo Văn phòng Bộ Tư Pháp
Từ 2009 – nay Phó tổng giám đốc Công ty TNHH Luật SMiC
Từ 2010 - nay Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán : 0 Cổ phần
tương đương 0% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán : Không
của người có liên quan
Hành vi vi phạm pháp luật : Không
Các khoản nợ đối với Công : Không
ty
Lợi ích có liên quan đối với : Không
tổ chức đăng ký niêm yết

Ông Trịnh Hồng Quý

Số CMND : 135530010 cấp ngày 19/3/2008 tại Vĩnh Phúc

Giới tính	:	Nam
Năm sinh	:	10/10/1946
Nơi sinh	:	Vĩnh Phúc
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Vĩnh Thịnh, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc
Điện thoại liên lạc	:	0986471219
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Công an
Chức vụ công tác hiện nay	:	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC
Quá trình công tác	:	
Năm 1966 - 1980		Công an Hoàng Liên Sơn
Năm 1980 - 1982		Công an tỉnh Vĩnh Phúc
Năm 1982 - 1990		Công an huyện Vĩnh Lạc
Năm 1990 - 2009		Nghỉ hưu
Năm 2010 - nay		Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn FLC
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ngày 04/04/2011	:	0 Cổ phần tương đương 0% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người có liên quan	:	Trịnh Văn Quyết – Con trai Sở hữu 300.000 cổ phần tương đương 1,76 % vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích có liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết	:	Không

1.2 Ban giám đốc

Nguyễn Thanh Bình	Tổng Giám đốc
Trần Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc
Dương Minh Thông	Giám đốc Tài chính - Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Thanh Bình

Như trên

Bà Trần Ngọc Ánh

Số CMND : 011952272 cấp ngày 24/11/2005 tại Hà Nội
Giới tính : Nữ
Năm sinh : 28/09/1978
Nơi sinh : Hà Nội
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : Số 30 ngách 159/18 Phố Hồng Mai-Hai Bà Trưng – Hà Nội
Điện thoại liên lạc : 0904123111
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Thạc Sĩ kinh tế
Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Tập Đoàn FLC.
Quá trình công tác :
 Từ 2001 - 2005 Chuyên viên tư vấn thuế và tài chính - Công ty TNHH KPMG
 Từ 2006 – 2010 Phó Tổng Giám Đốc - Công ty TNHH Mỏ Nikel Bản Phúc
 Từ 2010 đến nay Phó Tổng Giám Đốc - Công ty Cổ Phần Tập Đoàn FLC
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán : 0 cổ phần
 Tương đương 0% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người có liên quan : Không
Hành vi vi phạm pháp luật : Không
Các khoản nợ đối với Công ty : Không
Lợi ích có liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết : Không

Ông Dương Minh Thông

Số CMND : 011813864 cấp ngày 17/02/2011 tại CA Hà Nội

Giới tính : Nam

Năm sinh : 15/12/1976

Nơi sinh : Lạng Sơn

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Số 18, Ngách 49/64, Phố Đức Giang, Phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội.

Điện thoại liên lạc : 0983363359

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân

Chức vụ công tác hiện nay : Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC.

Quá trình công tác :

Năm 1999 -2002 Kế toán tổng hợp, HTX Công nghiệp Song Long

Năm 2002 – 7/2005 Kế toán trưởng, Công ty TNHH Thương mại Hải Vân

Tháng 7/2005 – 10/2008 Giám đốc, Công ty CP ĐTPPT TM&DL D.I.T.T.O

Tháng 11/2008 – 12/2010 Tổng giám đốc, Công ty CP Đại lý thuế FLC
Kế toán trưởng, Công ty CP ĐTTC Ninh Bắc

Tháng 12/2010 - nay Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán : 0 cổ phần
Tương đương 0% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người có liên quan : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích có liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết : Không

1.3 Ban kiểm soát

Nguyễn Tiên Dũng Trưởng ban kiểm soát

ty

Lợi ích có liên quan đối với
tổ chức đăng ký niêm yết : Không

Bà Nguyễn Thị Bạch Diệp

Số CMND : 135040882 cấp ngày 18 tháng 07 năm 2006 tại Vĩnh
Phúc

Giới tính : Nữ

Năm sinh : 24/06/1981

Nơi sinh : Vĩnh Phúc

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Phòng 206- A8b – Thanh Xuân Bắc- Thanh Xuân- Hà
Nội

Điện thoại liên lạc : 0989996524

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Chức vụ công tác hiện nay : - Kế toán trưởng Công ty Luật TNHH SMiC;
- Thành viên BKS Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC.

Quá trình công tác :

Từ 07/2005 –12/2005 Kế toán Công ty CP Đầu tư tài chính Nga Việt

Từ 01/2006– 12/2006 Kế toán Công ty CP Thương mại Khánh Trang

Từ 07/2007- 08/2007 Kế toán Công ty CP Xây lắp và phát triển hạ tầng Hồng Hà

Từ 09/2007- 6/2008 Nhân viên phòng Thống kê quận Tây Hồ

Từ 07/2008- 11/2008 Kế toán Công ty TNHH VFAM - Việt Nam

Từ 12/2008- nay Kế toán trưởng Công ty Luật TNHH SMiC.

Từ 01/2010 - nay Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán : 0 cổ phần
tương đương 0% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán : Không
của người có liên quan

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích có liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết : Không

Ông Lê Anh Đức

Số CMND : 162385078 cấp ngày 26 tháng 01 năm 1999 tại Nam Định

Giới tính : Nam

Năm sinh : 22/3/1984

Nơi sinh : Nam Định

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Số 6, Ngõ 29, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại liên lạc : 0989190595

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Luật học

Chức vụ công tác hiện nay : - Trưởng nhóm tư vấn phòng Dự án Công ty TNHH Luật SMiC
- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC.

Quá trình công tác :

Từ 06/2006 –4/2009 : Chuyên viên Phòng pháp lý và tuân thủ nội bộ Công ty cổ phần Chứng khoán Gia Quyền (EPS)

Từ tháng 04/2009– nay : Trưởng nhóm tư vấn Phòng Dự án Công ty Luật SMiC

Từ tháng 01/2010 - nay : Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn FLC

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán : 0 cổ phần
tương đương 0% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người có liên quan : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

ty

Lợi ích có liên quan đối với : Không

tổ chức đăng ký niêm yết

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước: Không có

2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập

TT	Tên	Số cổ phần theo ĐKKD	Số cổ phần thực góp	Số vốn thực góp	% VDL thực góp
1	Trịnh Văn Quyết	300.000	300.000	3.000.000.000	1,76
	Công ty cổ phần đầu tư tài chính				
2	Ninh Bắc	5.200.000	5.200.000	52.000.000.000	30,59
	Đại diện: Doãn Văn Phương				
	Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)				
3		1.000.000	1.000.000	10.000.000.000	5,88
	Đại diện: Lê Thị Lệ Hằng				

Khoản 5, Điều 84, Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 quy định: Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Sau thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập sẽ được bãi bỏ.

2.3. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài: Không có